

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 95/2025/HS-ST

Ngày: 24-6-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Ông Trần Văn Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 101/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức N, sinh năm 2002, căn cước công dân số 075202022662 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức M (Chết) và bà Tăng Thị Kim H (1981); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh em và chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực T. (Có mặt)

2. Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1999, căn cước công dân số 075199004487 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đội 2, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (Chết) và bà Nguyễn Thị L (1960); bị cáo là con út trong gia đình có bốn anh chị và chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực T. (Có mặt)

3. Nguyễn Phi L1 (tên gọi khác: B), sinh năm 1991, căn cước công dân 075091016395, tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số G, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (Chết) và bà Nguyễn Thị H1 (1969); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh em và chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực T. (Có mặt)

4. Phạm Văn T1, sinh năm 1991, căn cước công dân 075091003134, tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T2 (1965) và bà Trịnh Thị Ngọc L2 (1969); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh em, có vợ Hà Thị Mai T3 (1989) và ba con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực T. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phùng Thín S, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp C, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Trần Quang N1, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 20/12/2024 Công an xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai kiểm tra hành chính tại nhà của Nguyễn Phi L1 thuộc ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai phát hiện nhóm đối tượng có biểu hiện đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó có Nguyễn Phi L1 (chủ nhà), Phạm Văn T1 và Nguyễn Ngọc Kiều .

Qua kiểm tra đã phát hiện 01 gói nilon chứa tinh thể màu trắng, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, bên trong nỏ thủy tinh có bám dính chất màu trắng đục, 03 điện thoại di động các loại, 01 xe mô tô biển số 60H1- 074.33; tiến hành xét nghiệm nhanh đối với các đối tượng đều dương tính với chất ma túy, Công an xã G đã lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang đối với L1 và T1. Đến 17 giờ 50 phút cùng ngày, Nguyễn Ngọc K ra đầu thú và khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho L1 và T1.

Quá trình điều tra xác định được hành vi phạm tội của các đối tượng như sau:

- Về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”

Nguyễn Ngọc K là đối tượng nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng và bán lại cho người khác, ngày 18/12/2024 K liên lạc qua ứng dụng Z để mua 200.000 đồng ma túy đá của Nguyễn Đức N ở xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; số ma túy đá này K đưa về nhà sử dụng hết. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, K và đối tượng tên P tiếp tục mua ma túy của Nguyễn Đức N số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy K và P chia đôi số ma túy. Kiều đưa ma túy về nhà sử dụng một phần, phần còn lại K tiếp tục cất giấu để sử dụng.

Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 20/12/2024, K nhận được điện thoại của Nguyễn Phi L1 hỏi K còn ma túy bán lại cho L1 200.000 đồng, K đồng ý và nói L1 đến nhà K lấy ma túy. Sau đó, L1 điều khiển xe mô tô 60H1-074.33 đến nhà K mua 200.000 đồng ma túy đá, K nói L1 chờ mình về nhà L1 mới giao ma túy, L1 đồng ý chờ K đi về nhà của L1. Tại nhà của L1, K đã bán cho L1 01 tép ma túy với số tiền 200.000 đồng, L1 đã chuyển khoản cho K. Sau khi có ma túy, L1 lấy ma túy ra để cùng với Phạm Văn T1 sử dụng, vừa sử dụng xong thì bị Công an xã G phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Đức N là đối tượng nghiện ma túy, cuối tháng 12/2024 N liên kết với đối tượng tên L1 (N không biết rõ tên, tuổi, nơi cư trú của L1) để mua bán ma túy, L1 là người cung cấp ma túy cho N tiêu thụ và sử dụng, cụ thể N đã nhiều lần (04 lần) bán ma túy cho K, mỗi lần bán cho K 01 gói ma túy đá số tiền 200.000 đồng, K đến nhà N ở ấp B để giao dịch mua bán ma túy, lần gần nhất là vào ngày 18/12/2024 N đã bán cho K 01 túi ma túy đá với giá 200.000 đồng, cùng ngày N lại tiếp tục bán cho K và một người tên P (N không biết rõ tên, tuổi nơi cư trú của P) 01 túi ma túy đá với giá 1.000.000 đồng (do K và P cùng chung tiền mua), 02 lần trước đó N không xác định được thời gian, nhưng đều do K đến nhà của N ở ấp B để giao dịch mua bán ma túy.

Như vậy, trong tháng 12/2024 N đã 04 lần bán ma túy cho K và 01 lần bán ma túy cho đối tượng tên P, ngày 20/12/2024 K đã bán ma túy 01 lần cho L1 và T1. Chiều ngày 20/12/2024, K ra đầu thú và khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy, ngay sau đó N bị Công an huyện T bắt giữ khẩn cấp về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

- Về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Nguyễn Phi L1 và Phạm Văn T1 là những đối tượng nghiện ma túy, khoảng 10 giờ ngày 20/12/2024 T1 sử dụng ứng dụng Messenger để liên lạc với L1 và chuyển khoản cho L1 số tiền 150.000 đồng nói L1 đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng, L1 đồng ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L1 liên lạc với Nguyễn Ngọc K để mua 200.000 đồng ma túy (trong đó, của T1 là 150.000 đồng và của L1 là 50.000 đồng), L1 điều khiển xe mô tô đến nhà của K mua ma túy và chở K về lại nhà mình ở G để thực hiện giao dịch mua bán ma túy. Sau khi mua được ma túy, L1 và T1 lấy ma túy ra bỏ vào dụng cụ sử dụng ma túy rồi cả hai cùng sử dụng. Sau khi sử dụng, L1 và T1 để dụng cụ sử dụng ma túy trên nền nhà thì K tự ý lấy và sử dụng, việc K sử dụng ma túy L1 và T1 không biết và cũng không đồng ý. Đến 16 giờ 30 cùng ngày thì bị Công an xã G phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Tại Kết luận giám định số 2669/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng K1, Công an tỉnh Đ kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 0,0489 gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng đục (ký hiệu M2) bám dính trong 01 (một) nỏ thủy tinh được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu dạng vệt, không xác định được khối lượng.

Tại Cáo trạng số 66/CT-VKS-TN ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Nguyễn Đức N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Ngọc K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Phi L1 và Phạm Văn T1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*** Về hình phạt:**

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N từ 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc K từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phi L1 và bị cáo Phạm Văn T1 mỗi bị cáo từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù.

*** Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Khối lượng 0,0218 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

+ 02 điện thoại di động (Samsung A6 màu đen có gắn sim số 0382.797.377; Nokia 1202 màu đen có gắn sim số 0585.028.086) của Nguyễn Phi L1.

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020 màu đen có gắn sim số 0379.242.342 của Phạm Văn T1.

+ 01 điện thoại di động hiệu Realme C30s màu xám đen có gắn sim số 0338.393.787, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2204G màu hồng có gắn sim số 0867.518.592 của Nguyễn Ngọc Kiều .

+ 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng có gắn sim số 0387 399 446 của Nguyễn Đức N.

+ Sau khi bán được ma túy cho các con nghiện, Nguyễn Đức N chuyển tiền bán ma túy cho đối tượng tên L1. Trong tháng 12/2024, N đã bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện và được L1 cho số tiền 500.000 đồng, đây là khoản thu lợi bất chính nên cần buộc N giao nộp lại số tiền này.

+ Buộc Nguyễn Ngọc K giao nộp số tiền 200.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán ma túy cho Nguyễn Phi L1.

- Một xe mô tô hiệu YAMAHA, loại EXCITER, biển số 60H1- 074.33 là tài sản của anh Phùng Thín S (bạn của Phạm Văn T1). Ngày 20/12/2024, S cho T1 mượn xe đi nhưng không biết việc T1 sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội, xe có đầy đủ giấy tờ hợp pháp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thông Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo cũng như

những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt không rõ lý do). Xét thấy, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:* Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Vào tháng 12/2024, Nguyễn Đức N đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Ngọc K 04 lần và bán ma túy cho đối tượng tên P 01 lần; trong đó, ngày 18/12/2024 N bán cho K 01 tép ma túy đá với giá 200.000 đồng, cùng ngày N tiếp tục bán cho K và đối tượng tên P 01 túi ma túy đá với giá 1.000.000 đồng, hai lần mua bán ma túy trước đó cả N và K đều không nhớ ngày. Ngày 20/12/2024, K đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 01 túi ma túy đá với giá 200.000 đồng cho Nguyễn Phi L1 và Phạm Văn T1. Ngày 20/12/2024, Nguyễn Ngọc K ra đầu thú và khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy, ngay sau đó Nguyễn Đức N bị Công an huyện T bắt giữ khẩn cấp về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Ngọc K thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự: “1. *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”; còn hành vi của Nguyễn Đức N thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ... b) Phạm tội 02 lần trở lên.*”.

Chiều ngày 20/12/2024, tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai Nguyễn Phi L1 và Phạm Văn T1 cùng góp tiền (trong đó, của T1 là 150.000 đồng và của L1 là 50.000 đồng) mua ma túy của Nguyễn Ngọc K về để cùng nhau sử dụng tại nhà của L1. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Công an xã G phát hiện và bắt quả tang cùng vật chứng đối với L1 và T1 về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T xử lý theo quy định.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Phi L1 và Phạm Văn T1 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự: “1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.”

Do đó, Cáo trạng số 66/CT-VKS-TN ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo:* Xét tính chất của vụ án thấy rằng, tình hình tội phạm ma túy nói chung và trên địa bàn huyện T nói riêng có chiều hướng phức tạp với tính chất ngày càng nghiêm trọng, gây nhức nhối cho xã hội và trở thành nỗi lo của nhiều gia đình. Hậu quả do tệ nạn ma túy gây ra rất nghiêm trọng, làm tổn hại sức khỏe của một bộ phận nhân dân, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Nguyễn Đức N đã 04 lần bán ma túy cho Nguyễn Ngọc K nên đã áp dụng tình tiết định khung hình phạt là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, do đó không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về quyết định hình phạt:*

Nguyễn Đức N đã 04 lần bán ma túy cho Nguyễn Ngọc K, trong đó có 03 lần bán ma túy với giá 200.000 đồng và 01 lần bán ma túy với giá 1.000.000 đồng (lần này K và một người tên P cùng nhau chung tiền mua ma túy), 02 lần trước Nam không nhớ ngày bán ma túy cho K, 02 lần gần nhất đều trong ngày 18/12/2024 (trong đó có lần bán ma túy 1.000.000 đồng cho K và P) nên mức hình phạt của bị cáo N phải cao hơn các bị cáo còn lại.

Nguyễn Ngọc K đã nhiều lần (04 lần) mua ma túy của Nguyễn Đức N, lần gần nhất trong ngày 18/12/2024 N đã 02 lần mua ma túy của N (01 lần 200.000

đồng và 01 lần 1.000.000 đồng mua ma túy chung với P). Sau đó, K bán lại 200.000 đồng cho Phạm Văn T1 và Nguyễn Phi L1 nên mức hình phạt của bị cáo K sẽ thấp hơn bị cáo N nhưng cao hơn hai bị cáo còn lại.

Phạm Văn T1 hùn số tiền 150.000 đồng để mua ma túy và trực tiếp liên hệ với Nguyễn Ngọc K mua ma túy, chở K về nhà của Nguyễn Phi L1 để giao dịch mua bán ma túy; còn Nguyễn Phi L1 sử dụng địa điểm nơi mình ở, chuẩn bị dụng cụ sử dụng và hùn số tiền 50.000 đồng để cùng T1 mua ma túy của K về cùng nhau sử dụng. Do đó, các bị cáo có vai trò ngang nhau trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên mức hình phạt của các bị cáo là ngang nhau nhưng thấp hơn bị cáo N và bị cáo K.

Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để các bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền...*”. Tuy nhiên, do các bị cáo không có thu nhập và tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về biện pháp tư pháp*:

- Khối lượng ma túy còn lại sau giám định là 0,0218 gam, loại Methamphetamine là vật cấm lưu hành; một bộ dụng cụ sử dụng ma túy không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 điện thoại di động (Samsung A6 màu đen có gắn sim số 0382.797.377, Nokia 1202 màu đen có gắn sim số 0585.028.086) của Nguyễn Phi L1; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020 màu đen có gắn sim số 0379.242.342 của Phạm Văn T1; 02 điện thoại di động (Realme C30s màu xám đen có gắn sim số 0338.393.787, Nokia 2204G màu hồng có gắn sim số 0867.518.592) của Nguyễn Ngọc K; 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng có gắn sim số 0387 399 446 của Nguyễn Đức N đều có liên quan đến hành vi mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền 200.000 đồng bị cáo Nguyễn Ngọc K thu lợi bất chính thông qua việc mua bán trái phép chất ma túy cho Phạm Văn T1 nên cần buộc bị cáo giao nộp để sung vào ngân sách nhà nước.

- Sau khi bán được ma túy cho các con nghiện Nguyễn Đức N chuyển tiền bán ma túy cho đối tượng tên L1 và trong tháng 12/2024 N được L1 cho số tiền 500.000 đồng, đây là khoản N thu lợi bất chính thông qua việc mua bán trái phép chất ma túy nên cần buộc bị cáo giao nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại EXCITER, biển số 60H1- 074.33 là tài sản của Phùng Thín S (bạn của Phạm Văn T1). Ngày 20/12/2024, S cho T1 mượn xe đi nhưng không biết việc T1 sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy, xe có đầy đủ giấy tờ hợp pháp nên đã trả lại cho chủ sở hữu (*Theo Quyết định trả lại tài sản số 39/QĐ-VKS-TN ngày 29/5/2025 và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 03/6/2025*) là phù hợp.

[8] *Các vấn đề khác:*

- Đối với đối tượng tên “L1” là người cung cấp ma túy cho Nguyễn Đức N sử dụng và mua bán ở xã P, huyện Đ (N không biết rõ tên tuổi, nơi cư trú của L1), Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa có kết quả nên tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

- Đối với đối tượng tên “P” là người cùng với Nguyễn Ngọc K mua ma túy của Nguyễn Đức N (K không biết rõ tên tuổi, nơi cư trú của P), Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, truy tìm và xử lý sau.

[9] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận.

[10] *Về án phí:* Các bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N 08 (Tám) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2024.

- Khoản 1 Điều 251; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc K 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2024.

- Khoản 1 Điều 255; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi L1 (tên gọi khác: B) và bị cáo Phạm Văn T1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi L1 03 (Ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 03 (Ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2024.

2. *Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định là 0,0218 gam, loại Methamphetamine và một bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu (Samsung A6 màu đen có gắn sim số 0382.797.377; một điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu đen có gắn sim số 0585.028.086; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020 màu đen có gắn sim số 0379.242.342; 01 điện thoại di động Realme C30s màu xám đen có gắn sim số 0338.393.787; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2204G màu hồng có gắn sim số 0867.518.592 và 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng có gắn sim số 0387 399 446.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/6/2025 giữa Công an tỉnh Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức N giao nộp số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và buộc bị cáo Nguyễn Ngọc K giao nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Phi L1 và Phạm Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang

